XPS 15

Góc nhìn

Thông số kỹ thuật

Bản quyền © 2015 Dell Inc. Mọi quyền đã được bảo lưu. Sản phẩm này được bảo vệ bởi các luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ và quốc tế. Dell và logo Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các vùng tài phán khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

2015 - 09 Phiên bản A00

Model quy định: P56F | Loại: P56F001

Model máy tính: XPS 9550

GHI CHÚ: Các hình ảnh trong tài liệu này có thể khác với máy tính của bạn tùy thuộc vào cấu hình bạn đã đặt hàng.

Góc nhìn

Trước

Trái

Phải

Trên xuống

Màn hình

Trước

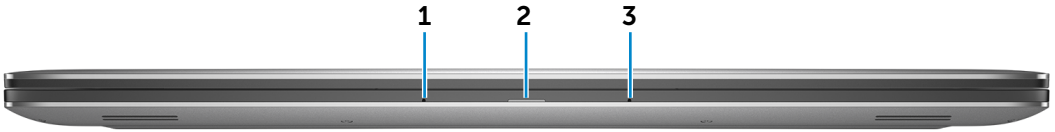

1 Micrô trái

Cung cấp đầu vào âm thanh kỹ thuật số để ghi âm, thực hiện cuộc gọi thoại v.v.

2 Đèn trạng thái pin và nguồn điện

Chỉ báo trạng thái nguồn và trạng thái pin của máy tính.

Đèn trắng luôn sáng — Bộ chuyển đổi nguồn điện được kết nối và pin đang sạc.

Đèn hổ phách luôn sáng — Pin yếu hoặc sắp cạn kiệt.

3 Micrô phải

Cung cấp đầu vào âm thanh kỹ thuật số để ghi âm, thực hiện cuộc gọi thoại v.v.

Góc nhìn

Trước

Trái

Phải

Trên xuống

Màn hình

Trái

1 Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện

Kết nối bộ chuyển đổi nguồn để cung cấp điện cho máy tính và sạc pin.

2 Cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 5 Gbps.

Tính năng PowerShare cho phép bạn sạc các thiết bị USB ngay cả khi máy tính đang tắt.

GHI CHÚ: Nếu máy tính đang tắt hoặc ở trạng thái Ngủ đông (Hibernate), bạn phải kết nối bộ chuyển đổi nguồn điện để sạc các thiết bị của mình bằng cổng PowerShare. Bạn phải bật tính năng này trong chương trình thiết lập BIOS.

GHI CHÚ: Một số thiết bị USB nhất định có thể không sạc khi máy tính đang tắt hoặc ở trạng thái Ngủ. Trong trường hợp đó, hãy bật máy tính để sạc thiết bị.

3 Cổng HDMI

Kết nối TV hoặc thiết bị hỗ trợ ngõ vào HDMI khác. Cung cấp ngõ ra video và âm thanh.

4 Cổng Thunderbolt 3 (USB Type-C)

Hỗ trợ USB 3.1 thế hệ 2, DisplayPort 1.2, Thunderbolt 3 và cũng cho phép bạn kết nối với màn hình bên ngoài bằng cách sử dụng dongle. Cung cấp tốc độ truyền tải dữ liệu lên tới 10 Gbps cho USB 3.1 thế hệ 2 và lên tới 40 Gbps cho Thunderbolt 3.

5 Cổng tai nghe

Kết nối tai nghe, micrô hoặc bộ tai nghe (gồm tai nghe và micrô).

Góc nhìn

Trước

Trái

Phải

Trên xuống

Màn hình

Phải

1 Khe đọc thẻ nhớ

Đọc và ghi vào thẻ nhớ.

2 Cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 5 Gbps.

Tính năng PowerShare cho phép bạn sạc các thiết bị USB ngay cả khi máy tính đang tắt.

GHI CHÚ: Nếu máy tính đang tắt hoặc ở trạng thái Ngủ đông (Hibernate), bạn phải kết nối bộ chuyển đổi nguồn điện để sạc các thiết bị của mình bằng cổng PowerShare. Bạn phải bật tính năng này trong chương trình thiết lập BIOS.

GHI CHÚ: Một số thiết bị USB nhất định có thể không sạc khi máy tính đang tắt hoặc ở trạng thái Ngủ. Trong trường hợp đó, hãy bật máy tính để sạc thiết bị.

3 Đèn trạng thái sạc pin (5)

Bật sáng khi nhấn nút tình trạng pin. Mỗi vạch đèn sẽ chỉ báo khoảng 20% pin.

4 Nút trạng thái pin

Nhấn để kiểm tra lượng điện còn lại trong pin.

5 Khe cáp bảo vệ

Kết nối cáp bảo vệ để ngăn chặn việc di chuyển máy tính trái phép.

Góc nhìn

Trước

Trái

Phải

Trên xuống

Màn hình

Trên xuống

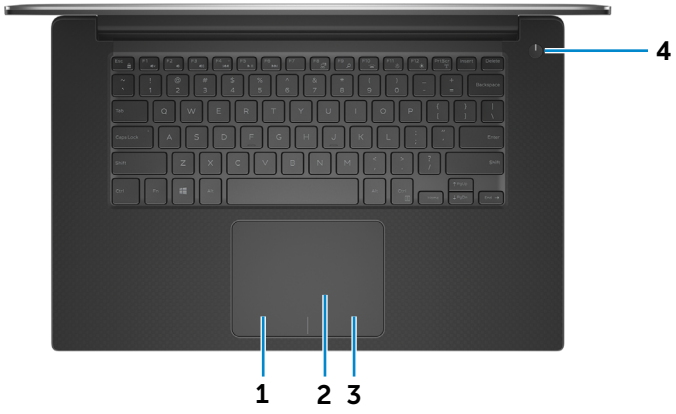

1 Vùng nhấp trái

Nhấn để nhấp trái.

2 Bàn di chuột

Trượt ngón tay trên bàn di chuột để di chuyển con trỏ chuột. Nhấn để nhấp trái.

3 Vùng nhấp phải

Nhấn để nhấp phải.

4 Nút nguồn

Nhấn để bật máy tính nếu máy đang tắt, ở trạng thái ngủ hoặc trạng thái ngủ đông.

Nhấn để đưa máy tính vào trạng thái ngủ nếu máy đang bật.

Nhấn và giữ trong 4 giây để buộc máy tính phải tắt.

GHI CHÚ: Bạn có thể tùy chỉnh cách hoạt động của nút nguồn trong Tùy chọn Nguồn điện. Để biết thêm thông tin, hãy xem *Tôi và Dell của tôi* tại **www.dell.com/support/manuals**.

Góc nhìn

Trước

Trái

Phải

Trên xuống

Màn hình

Màn hình

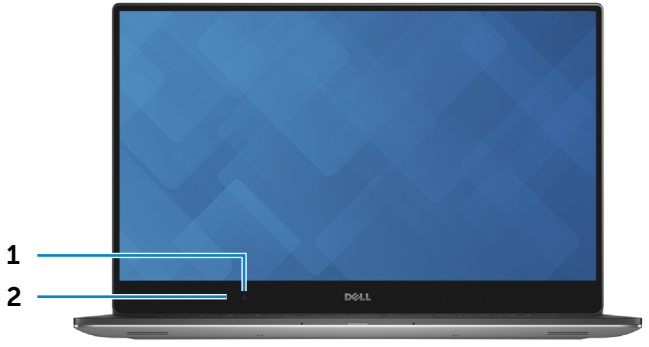

1 Camera

Cho phép bạn trò chuyện qua video, chụp ảnh, và quay video.

2 Đèn trạng: thái camera

Bật khi camera được sử dụng.

Thông số kỹ thuật

Kích thước và trọng lượng

Cao	17 mm (0,66 inch)
Rộng	357 mm (14,06 inch)
Sâu	235 mm (9,27 inch)
Trọng lượng (tối thiểu):	
Cảm ứng	2 kg (4,41 pound)
Không cảm ứng	1,78 kg (3,93 pound)
	GHI CHÚ: Trọng lượng máy tính xách tay của bạn thay đổi tùy thuộc vào cấu hình được đặt hàng và thay đổi về sản xuất.

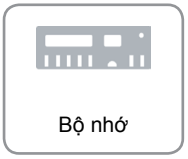

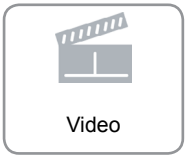

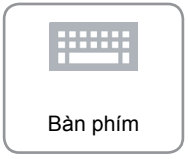

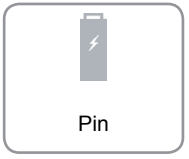

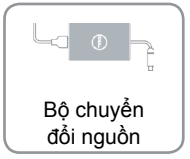

Thông số kỹ thuật

Thông tin Hệ thống

Model máy tính	**XPS 9550**
Bộ xử lý	• Intel Core i3 thế hệ thứ 6 • Intel Quad Core i5 thế hệ thứ 6 • Intel Quad Core i7 thế hệ thứ 6
Chipset	• Mobile Intel HM170 Express Chipset • Intel CM236

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

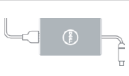
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bộ nhớ

Khe cắm	Hai khe cắm SODIMM
Loại	DDR4
Tốc độ	2133 MHz
Cấu hình được hỗ trợ	8 GB, 16 GB và 32 GB

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

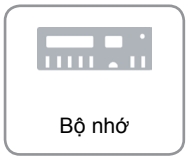
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

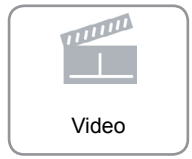
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

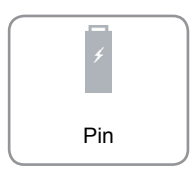
Pin

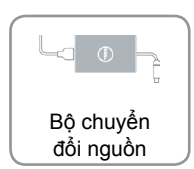
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Cổng và Kết nối

Ngoài:	
USB	• Hai cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare • Một cổng Thunderbolt 3 với tính năng PowerShare (USB-C)
Âm thanh/video	• Một cổng HDMI 1.4 • Một cổng tai nghe (kết hợp tai nghe và micrô)
Bên trong:	
M.2	Một khe cắm card M.2 cho card mạng Wi-Fi và Bluetooth chung

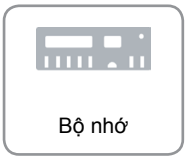

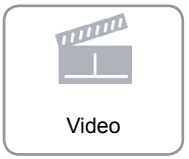

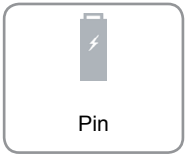

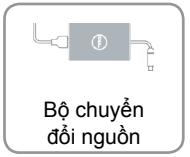

Thông số kỹ thuật

Giao tiếp

Không dây	• Wi-Fi 802.11ac • Wi-Fi 802.11a/g/n • Bluetooth 4.1 • Intel WiDi (tùy chọn)

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Video

Bộ điều khiển:	
Chuyên dụng	NVIDIA GeForce GTX 960M
Được tích hợp	Intel HD Graphics 530
Bộ nhớ:	
Chuyên dụng	Lên tới 2 GB GDDR5
Được tích hợp	Bộ nhớ hệ thống chia sẻ

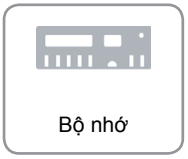

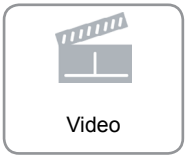

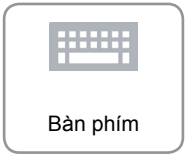

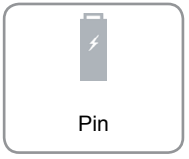

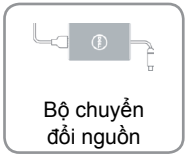

Thông số kỹ thuật

Âm thanh

Bộ điều khiển	Realtek ALC3266 với Waves MaxxAudio Pro
Loa	Hai
Công suất loa:	
Trung bình	2 W
Đỉnh	2,5 W
Micrô	Micrô dãy kép
Điều khiển âm lượng	Các phím tắt điều khiển media và nút điều khiển âm lượng

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Lưu trữ

Giao diện	• SATA 3 Gbps • SATA 6 Gbps • PCIE Gen 3
Ổ đĩa cứng	Một ổ cứng 2,5-inch (hỗ trợ Công nghệ Intel Smart Response)
Ổ đĩa thể rắn (tùy chọn)	Một ổ đĩa thể rắn (SSD) có hỗ trợ Intel Smart Cache

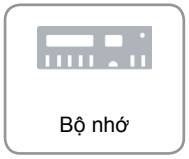

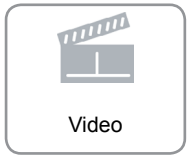

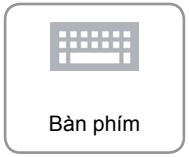

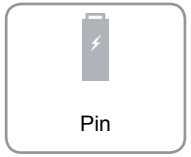

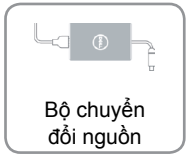

Thông số kỹ thuật

Khe đọc thẻ nhớ

Loại	Một khe 6-trong-1
Thẻ nhớ hỗ trợ	• Thẻ SD • Thẻ SD dung lượng cao (SDHC) • Thẻ SD Input Output (SDIO) • Thẻ SD Extended Capacity (SDXC) • Thẻ SD dung lượng mở rộng (SDXC) với Tốc độ siêu cao (UHS) • Thẻ Multimedia (MMC) với Tốc độ siêu cao (UHS)

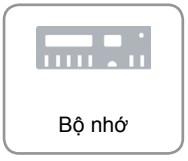

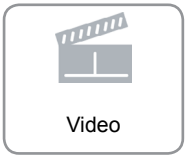

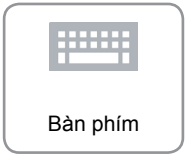

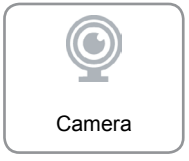

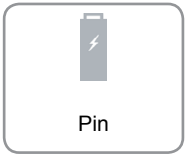

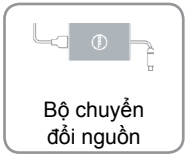

Thông số kỹ thuật

Màn hình

Loại	• 15,6 inch FHD • 15,6 inch UltraHD	
	FHD	**UltraHD**
Độ phân giải (tối đa)	1920 x 1080	3840 x 2160
Kích thước:		
Cao	194,50 mm (7,66 inch)	194,50 mm (7,66 inch)
Rộng	345,60 mm (13,61 inch)	345,60 mm (13,61 inch)
Chéo	396,52 mm (15,61 inch)	396,52 mm (15,61 inch)
Tốc độ làm tươi	60 Hz	60 Hz
Góc nhìn màn hình	0 độ (đóng) đến 135 độ	0 độ (đóng) đến 135 độ
Mật độ điểm ảnh	0,18 mm	0,09 mm
Nút điều khiển	Có thể kiểm soát độ sáng bằng cách sử dụng phím tắt bàn phím.	

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

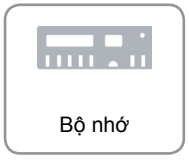
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

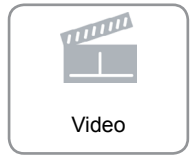
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

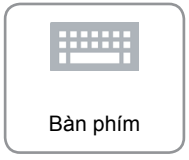
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

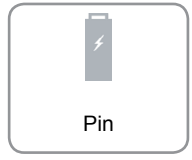
Pin

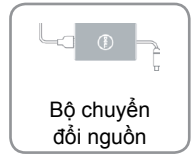
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bàn phím

Loại	Bàn phím có đèn nền
Phím tắt	Một số phím trên bàn phím của bạn có hai biểu tượng trên đó. Có thể sử dụng các phím này để gõ ký tự thay thế hoặc để thực hiện các chức năng phụ. Để gõ ký tự thay thế, hãy nhấn Shift và phím mong muốn. Để thực hiện chức năng thứ cấp, nhấn Fn và phím mong muốn. **GHI CHÚ:** Bạn có thể thay đổi hành vi của các phím tắt bằng cách nhấn Fn+Esc hoặc thay đổi **Hành vi Phím chức năng** trong chương trình thiết lập BIOS. Danh sách phím tắt.

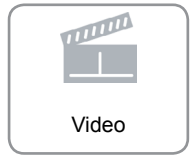

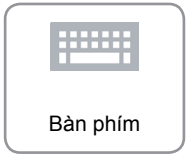

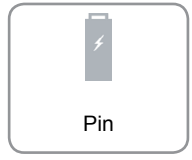

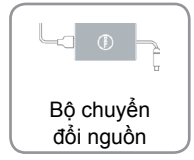

Phím tắt

F1	Tắt âm
F2	Giảm âm lượng
F3	Tăng âm lượng
F4	Phát bản nhạc/chương trước đó
F5	Phát/Tạm dừng
F6	Phát bản nhạc/chương kế tiếp
F8	Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài
F9	Mở Tìm kiếm
F10	Bật tắt đèn nền bàn phím
F11	Giảm độ sáng
F12	Tăng độ sáng
Fn + PrtScr	Tắt/mở mạng không dây
Fn + Esc	Bật tắt khóa phím Fn

Thông số kỹ thuật

Camera

Độ phân giải:	
Ảnh tĩnh	1280 x 720 megapixel
Video (tối đa)	1280 x 720 (HD) ở 30 khung hình/giây
Góc nhìn chéo	74 độ

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bàn di chuột

Độ phân giải:	
Ngang	1273 dpi
Dọc	1217 dpi
Kích thước:	
Rộng	105 mm (4,13 inch)
Cao	80 mm (3,15 inch)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

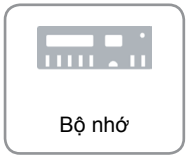
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

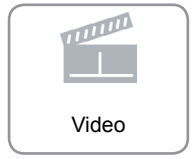
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

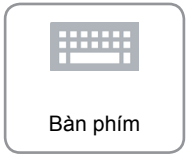
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

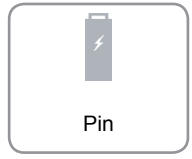
Pin

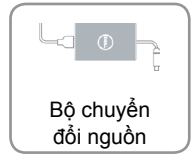
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Pin

Loại	**3 cell (56 Whr)**	**6 cell (84 Whr)**
Kích thước:		
Rộng	71,80 mm (2,83 inch)	71,80 mm (2,83 inch)
Dài	223,20 mm (8,79 inch)	330,50 mm (13,01 inch)
Cao	7,20 mm (0,28 inch)	7,20 mm (0,28 inch)
Trọng lượng (tối đa)	0,24 kg (0,54 pound)	0,34 kg (0,76 pound)
Điện áp	11,4 VDC	11,4 VDC
Thời gian sạc (xấp xỉ)	4 giờ khi tắt máy tính	
Thời gian hoạt động	Thay đổi tùy theo điều kiện hoạt động và có thể suy giảm đáng kể dưới những điều kiện cần nhiều năng lượng nhất định	
Tuổi thọ (xấp xỉ)	300 chu kỳ sạc/xả	300 chu kỳ sạc/xả
Phạm vi nhiệt độ:		
Vận hành	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)
Bảo quản	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)
Pin dạng đồng xu	ML1220	
	GHI CHÚ: Khuyến cáo bạn nên dùng pin dạng đồng xu của Dell cho máy tính của mình. Dell không cung cấp việc thanh toán theo bảo hành cho các vấn đề gây ra do sử dụng các linh kiện, bộ phận, thành phần không phải do Dell cung cấp.	
Hỗ trợ tính năng Battman	Có	Có

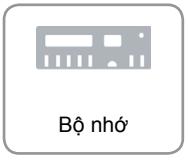

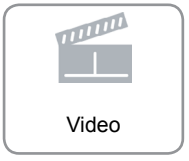

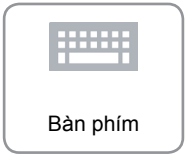

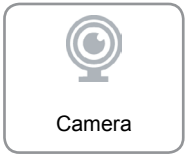

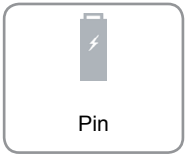

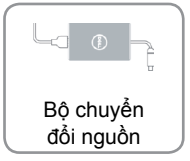

Thông số kỹ thuật

Bộ chuyển đổi nguồn

Loại	130 W
Điện áp vào	100 VAC–240 VAC
Tần số vào	50 Hz–60 Hz
Dòng đầu vào (tối đa)	1,80 A
Dòng đầu ra (tối đa)	6,67 A
Điện áp ra định mức	19,50 VDC
Phạm vi nhiệt độ:	
Vận hành	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Bảo quản	–40°C đến 70°C (–40°F đến 158°F)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

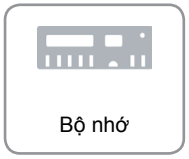
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

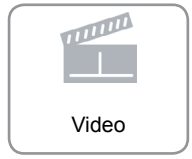
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

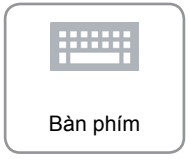
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

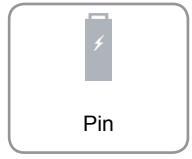
Pin

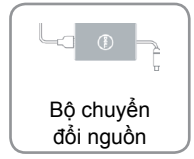
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Môi Trường Máy Tính

Mức độ gây ô nhiễm không khí	G1 được định nghĩa bởi ISA-S71.04-1985	
	Vận hành	**Bảo quản**
Phạm vi nhiệt độ	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)	–40°C đến 70°C (–40°F đến 158°F)
Độ ẩm tương đối (tối đa)	10% đến 90% (không ngưng tụ)	10% đến 95% (không ngưng tụ)
Độ rung (tối đa)*	0,66 GRMS	1,30 GRMS
Va đập (tối đa)	110 G†	160 G‡
Độ cao (tối đa)	–15,2 m đến 3048 m (–50 foot đến 10.000 foot)	–15,2 m đến 10.668 m (–50 foot đến 35.000 foot)

* Đo bằng dải phổ rung động ngẫu nhiên nhằm mô phỏng môi trường người dùng.
† Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đang sử dụng ổ đĩa cứng.
‡ Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đầu đọc ổ đĩa cứng đang ở vị trí dừng.

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

Pin

Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính